

BỐI CẢNH HÌNH THÀNH XÃ HỘI DÂN SỰ CỦA MALAIXIA DƯỚI THỜI KỲ THUỘC ĐỊA ANH

NGUYỄN THÀNH VĂN*

Bối cảnh lịch sử, kinh tế - xã hội là một trong những điều kiện quan trọng để hình thành và phát triển xã hội dân sự. Xã hội dân sự trên thế giới nói chung, ở Malaixia nói riêng cũng không phải là một ngoại lệ, chúng là kết quả của quá trình hình thành và phát triển lâu dài qua các thời kỳ lịch sử. Vì vậy việc tìm hiểu bối cảnh lịch sử, kinh tế-xã hội của Malaixia là để tìm ra những nguyên nhân, nhân tố tác động đến sự hình thành và phát triển của xã hội dân sự ở nước này là hết sức cần thiết. Đây là vấn đề rộng lớn, bài viết này chủ yếu xem xét một cách khái quát bối cảnh lịch sử diễn ra ở Malaixia trong thời kỳ thuộc địa Anh.

1. Khái quát quá trình xâm nhập của thực dân Anh

Trong số các nước thực dân phương Tây đến Malaixia, Anh là nước có mặt muộn nhất, tuy nhiên họ lại duy trì được sự hiện diện lâu nhất, thu được nhiều lợi ích nhất và cũng để lại nhiều dấu ấn nhất ở Malaixia. Ngày 11-8-1876, công ty Đông

Ấn của Anh đã đạt được thoả thuận với vua Kedah, theo đó Anh được sử dụng đảo Penang và đổi lại người Anh sẽ bảo vệ Kedah trong trường hợp vương quốc này bị bên ngoài tấn công. Tuy nhiên 5 năm sau, vào năm 1791, người Anh đã bội ước, buộc vua Kedah phải ký một thoả thuận mới nhượng lại đảo Penang cho Anh và đổi lại vua Kedah được nhận một khoản trợ cấp là 6000 Đô la Tây Ban Nha một năm.

Kể từ đó trở đi, Anh từng bước xâm nhập vào lãnh thổ Malaixia. Năm 1795 Anh đã tiếp quản Malacca từ tay Hà Lan. Năm 1800, Anh đã ký kết với vương quốc Kedah một hiệp ước với nội dung như sau: Anh được quyền sử dụng dải đất ven biển đối diện với đảo Penang, vua Kedah được nhận một khoản trợ cấp tổng cộng là 10.000 đô la Tây Ban Nha... Trên dải đất đó, người Anh đã thành lập tỉnh Wellesley. Như vậy đến năm 1800, người Anh đã có được ba địa điểm trên lãnh thổ Malaixia đó là Malacca, Penang, Wellesley.

Ngày 28-1-1819, Stamford Raffles, một quan chức người Anh, đã đặt chân đến

* Ths. Nguyễn Thành Văn, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

đảo Xingapo. Để có được quyền sở hữu Xingapo, Raffles đã ký nhiều thoả thuận như Hiệp ước ngày 6-2-1819 ký với vua Johor - Tengku Long (ông này được người Anh đưa đến Xingapo và dựng lên làm vua Johor); Hiệp ước tháng Giêng năm 1823; Hiệp ước tháng Tám năm 1824; và Hiệp ước với Hà Lan vào ngày 17-3-1824 với nội dung Hà Lan công nhận quyền sở hữu Xingapo của người Anh, nhượng lại Malacca cho Anh.

Vào năm 1826, Anh đã sáp nhập Xingapo, Malacca, Penang và Wellesley thành một thực thể chung với tên gọi Straits Settlements (Các khu định cư Eo biển). Ngày 15-1-1874, người Anh đã ký kết với vương quốc Perak một thoả thuận, đó là thoả thuận Pangkor (Pangkor Engagement) với những nội dung chính như Nhà vua tiếp nhận và cung cấp chỗ ở cho một quan chức Anh được gọi là Đại diện. Vua phải tham khảo ý kiến viên quan này về tất cả mọi vấn đề trừ vấn đề Islam giáo và phong tục tập quán; Việc thu và quản lý các nguồn thu ngân sách phải được điều chỉnh dưới sự góp ý của viên quan này; Nhà vua phải trả lương cho viên quan này. Thoả thuận Pangkor có ý nghĩa rất quan trọng đối với người Anh, nó như là một tiền lệ, một bước khởi đầu tốt đẹp để họ tiếp tục và hoàn thiện sự xâm chiếm của mình ở bán đảo Malay.

Tiếp theo Perak, người Anh đã can thiệp và đặt hệ thống đại diện của mình vào Selangor (10-1874) và các tiểu quốc ở phía Tây Nam bán đảo như Sungei Ujong (1874); Sri Menanti (1881); Johor (1884); Remban (1887); Negeri Sembilan (1895)... Ngày 1-7-1896 người Anh đã triệu tập cuộc họp với thành phần là vua của 4 vương quốc nói trên. Trong cuộc họp

này các vua ký kết hiệp ước chung để thành lập Liên bang Malay (Federation Agreement of 1 July 1896) với một số nội dung quan trọng như: các vua đồng ý thành lập một liên bang quản lý theo sự cố vấn của người Anh, các vua chấp nhận sự cố vấn của Tổng Đại diện (General Resident), vị này chịu sự quản lý của Thống đốc các khu định cư eo biển. Có thể nói Hiệp định thành lập liên bang ngày 1-7-1896 đã đánh dấu một giai đoạn mới trong quá trình cai trị của Anh ở Malaixia, một giai đoạn cai trị có quy củ, trật tự và hệ thống hơn. Tiếp theo đó, từ năm 1897 đến năm 1914, với những thoả thuận đạt được với Xiêm, người Anh đã tiến lên giành quyền kiểm soát các vương quốc còn lại trên bán đảo Malay, đó là Perlis, Trengganu, Kedah, Kelantan và Johore. So với các khu vực khác ở Malaixia, người Anh đến đảo Borneo muộn hơn. Năm 1888 chính phủ Anh tuyên bố Brunei, Sabah và Sarawak là xứ bảo hộ của Anh.

Như vậy sau hơn một thế kỷ, bằng những thủ đoạn khôn ngoan kết hợp với sức mạnh của mình, người Anh đã có mặt ở khắp các lãnh thổ thuộc Malaixia, đồng thời đặt toàn bộ Malaixia dưới sự cai trị của mình.

Chế độ cai trị của Anh ở Malaixia

Chế độ cai trị của Anh có thể được chia thành hai loại như sau: chế độ cai trị trực tiếp và chế độ cai trị gián tiếp.

Chế độ cai trị trực tiếp áp dụng đối với Các khu định cư eo biển bao gồm: Malacca, Penang, Wellesley và Xingapo. Dưới sự quản lý của chính phủ Anh, mọi người sinh ra ở các khu định cư eo biển đều là công dân Anh. Người Anh quản lý toàn bộ các hoạt động kinh tế cũng như

các vấn đề chính trị, xã hội và pháp luật.

Chế độ cai trị gián tiếp của Anh được thiết lập đối với các khu vực như Bắc Borneo, các vương quốc Malay không tham gia liên bang và liên bang Malay dưới hình thức đại diện và cố vấn. Người Anh đã giới hạn quyền lực của mình trong hình thức cố vấn, do đó các vương quốc này có sự độc lập lớn trong việc giải quyết các vấn đề nội bộ. Ngoài ra các vương quốc này còn có quyền độc lập về tài chính. Các tiểu vương thường tham khảo ý kiến của cố vấn về tất cả các vấn đề và cố vấn chỉ đưa ra những lời khuyên chứ không được ra lệnh. Tuy nhiên các cố vấn có thể thuyết phục các tiểu vương để họ làm theo ý mình.

Ngoài việc thực hiện chính sách cai trị như trên, người Anh còn thực hiện một số chính sách như chính sách khai thác thuộc địa và chính sách giáo dục. Hai ngành kinh tế quan trọng mà người Anh tập trung phát triển là khai khoáng và trồng trọt. Sự phát triển của hai ngành kinh tế này đòi hỏi lực lượng nhân công khá lớn mà bản thân Malaixia không thể đáp ứng được do đó người Anh đã thực hiện chính sách không hạn chế nhập cư vào Malaixia.

Ngày 7-12-1941, Nhật tấn công Malaixia và chỉ trong một thời gian ngắn, toàn bộ lãnh thổ Malaixia đã rơi vào tay người Nhật. Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc, người Anh quay trở lại Malaixia với thiết lập chế độ quân quản. Sau một thời gian dài đấu tranh bằng nhiều hình thức khác nhau, vào ngày 31-8-1957, Malaixia đã tuyên bố độc lập.

2. Sự hình thành và phát triển của các cộng đồng cư dân nhập cư và các tầng lớp xã hội

2.1 Cộng đồng người Hoa

Cộng đồng người Hoa ở Malaixia được hình thành từ thời Malacca nhưng với số lượng ít ỏi và chưa có được vị trí trong xã hội Malaixia. Tính đến năm 1750, cộng đồng người Hoa ở Malacca mới chỉ 2000 người⁽¹⁾. Đến thời kỳ người Anh cai trị Malaixia với chính sách khai thác thuộc địa và chính sách không hạn chế nhập cư thì cộng đồng người Hoa ở Malaixia đã phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và vị trí xã hội của họ, thậm chí đã có thời điểm cộng đồng người Hoa đã vượt qua cộng đồng người bản địa về mặt số lượng. Trong thời kỳ này, ban đầu người Hoa di cư đến các khu định cư eo biển và hình thành một nhóm gọi là "Người Hoa Eo biển" (*Straits Chinese*). Vào năm 1820 con số người Hoa ở Penang đã lên đến 8000 người, cũng vào năm này, số người Hoa ở Xingapo là 12.000 người, chiếm tới 60% dân số Xingapo⁽²⁾.

Từ giữa thế kỷ XIX trở đi người Hoa ô ạt di cư đến Malaixia, ban đầu họ chỉ có ý định đến Malaixia để kiếm tiền rồi trở về Trung Quốc nhưng sau đó khi điều kiện sống ở Malaixia dễ dàng hơn nên họ đã từ bỏ ý định quay về. Điểm đến của họ chủ yếu là những vùng có ngành công nghiệp khai thác thiếc phát triển, chẳng hạn như ở Lukut, năm 1820 chỉ có 1000 thợ mỏ người Hoa nhưng đến năm 1847 con số này đã tăng lên đến 4000 người hoặc như ở Cuala Lämpơ vào năm 1868 đã có 100.000 người Hoa đã vượt quá 100.000 người⁽³⁾. Trong suốt thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX số lượng người Hoa ở Malaixia không ngừng gia tăng và đến năm 1941 thì số lượng người Hoa đã vượt qua số lượng người Malay (số lượng người Hoa là 2.379.000 người, con số người Malay là 2.278.000 người⁽⁴⁾).

Việc người Hoa ồ ạt di cư đến Malaixia trong thời gian này do nhiều nguyên nhân xuất phát từ cả ở Trung Quốc và Malaixia. Nguyên nhân từ phía Trung Quốc là đói kém, thiếu công ăn việc làm và sự đàn áp của triều đình nhà Thanh. Nguyên nhân từ phía Malaixia là chính sách khai thác thuộc địa của Anh đã tạo nên những cơ hội việc làm có thể kiếm tiền dễ dàng và chính sách không hạn chế nhập cư của người Anh đã thu hút được nhân công người Hoa.

Người Hoa ở Malaixia là một cộng đồng tương đối thống nhất và có bản sắc riêng nếu đặt trong tương quan so sánh với cộng đồng người Ấn Độ hay cộng đồng người Malay, tuy nhiên chính bản thân cộng đồng này lại bao gồm nhiều tổ chức, nhiều nhóm khác nhau dựa trên các tiêu chí như dòng họ, quê quán, ngôn ngữ hoặc nghề nghiệp.... Ngày nay cộng đồng người Hoa ở Malaixia bao gồm một số bang hội chủ yếu như sau: Bang hội Quảng Đông, bang hội Phúc Kiến, bang hội Triều Châu và bang hội Hakka. Mặt khác, là một trong ba cộng đồng lớn trong xã hội Malaixia nên những đóng góp của cộng đồng này cho xã hội rất to lớn, tuy nhiên nó cũng tạo ra không ít vấn đề trong xã hội Malaixia.

Một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất mà các Khu định cư Eo biển phải đối mặt trong thế kỷ XIX là Hội kín của người Hoa. Những hội kín này có nguồn gốc từ thế kỷ XVII ở Trung Quốc nhằm chống đối lại triều đình Mãn Thanh. Hội kín phổ biến ở Malaixia là hội Tam hoàng vì chúng dựa trên niềm tin được kết hợp giữa Thiên, Địa và Nhân. Lãnh đạo các hội kín tự coi mình là người tạo ra công bằng và thường phớt lờ các cơ quan chính quyền địa phương. Các hội đều có trách

nhiệm chăm nom đời sống của các hội viên. Các hội viên phải thế giúp đỡ lẫn nhau khi cần thiết và phải giữ kín các hoạt động của họ, nếu ai phá vỡ lời thề thì sẽ bị trừng phạt bằng cái chết.

Hội kín xuất hiện ở Malacca từ thời cai trị của Hà Lan và sau đó lan ra khắp bán đảo Malay, trong đó có hội kín lớn nhất là ở Penang với số lượng thành viên lên đến 15.000 người. Tuy nhiên Xingapo mới là nơi hội kín phát triển mạnh nhất vì những người Hoa di cư đến đây chủ yếu là đàn ông và họ phải sống trong một môi trường hoàn toàn xa lạ chính vì vậy họ có nhu cầu bảo vệ, che chở lẫn nhau. Hội kín sớm nhất ở Xingapo là hội Ghee Hin, hội này dường như đến Xingapo thông qua người Hoa ở Malacca. Vào khoảng năm 1840, những người Hoa đến từ Trung Quốc mang theo hội kín Ghee Hock. Cho đến năm 1870 có ít nhất 12 hội kín hoạt động ở Xingapo. Các hội kín này nhiều khi xảy ra xung đột, tranh chấp với nhau vì quyền lợi của các hội chẳng hạn như việc tranh chấp lãnh thổ khai thác thiếc ở Larut năm 1848 giữa hai hội kín Hai San và Ghee Hin.

Sự tranh chấp và xung đột giữa các hội kín với nhau buộc chính quyền Anh phải có những biện pháp nhằm giữ gìn trật tự. Năm 1869, chính quyền ban hành Sắc lệnh về việc trấn áp các hội nguy hiểm (*Suppression of Dangerous Societies Ordinance*), Sắc lệnh này quy định tất cả các hội có từ 10 hội viên trở lên đều phải đăng ký hoạt động với chính quyền, tuy nhiên sắc lệnh này cũng không đem lại mấy hiệu quả. Năm 1876, hai chức vụ mới có liên quan đến người Hoa được đặt ra, đó là Bảo hộ người Hoa nhập cư và Bảo hộ người Hoa di cư (*Protector of Chinese*

Immigrant and Chinese Emigrant). Người đầu tiên đảm nhận chức vụ này W.A. Pickering. Nhiệm vụ của ông này là làm việc nhân danh những người Hoa để cải thiện điều kiện sống và làm việc của họ. Ông hi vọng rằng công việc của ông sẽ làm giảm bớt người Hoa tham gia các hội kín. Tuy nhiên ông đã không cải thiện được tình hình và thực tế số người tham gia các hội kín vẫn ngày càng gia tăng. Năm 1882, chính quyền trao cho cảnh sát quyền giải tán bất cứ hội kín nào được cho là gây nguy hại đến luật pháp và trật tự nhưng biện pháp này cũng không đem lại kết quả mong muốn. Năm 1890, chính quyền ban hành Sắc lệnh Hội (Societies Ordinance). Theo Sắc lệnh này, tất cả các hội kín bị chọi là bất hợp pháp. Nhưng các hội kín này có quyền lực quá mạnh nên không dễ gì xoá bỏ. Rất nhiều hội kín đã thành lập các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực từ thiện, những hoạt động này nhằm che đậy những hoạt động bất hợp pháp. Một số hội kín khác vẫn tiếp tục hoạt động với tư cách là những tổ chức bất hợp pháp hoạt động ngầm.

Một vấn đề khác là *Chủ nghĩa dân tộc người Hoa*: Chủ nghĩa dân tộc người Hoa ở Malay được hình thành ngay từ rất sớm, vào khoảng cuối thế kỷ XIX. Bất chấp những sự khác biệt về nguồn gốc, tiếng nói, nghề nghiệp, hoặc được sinh ra ở Malay hay ở Trung Quốc, hoặc được theo học nền giáo dục Trung Quốc hay nền giáo dục Anh, người Hoa ở Malay đều ý thức được họ là người Trung Quốc và luôn hướng về quê hương. Tình cảm của họ được gửi gắm vào những sự liên lạc với quê hương qua đường biển hoặc được thể hiện trên những tờ báo tiếng Hoa. Một trong những tờ báo tiếng Hoa đầu tiên đó được xuất bản ở Xingapo vào năm 1881.

Các tổ chức xã hội ban đầu của người Hoa là các hội kín như đã trình bày ở phần trên, sau khi chính quyền có những biện pháp nhằm trấn áp các hội kín này thì trong cộng đồng người Hoa đã xuất hiện những tổ chức mới mang tính nghề nghiệp như của thương nhân, giáo viên, thợ mỏ..., hoặc mang tính địa phương như Phúc Kiến, Triều Châu, Quảng Đông... Vào tháng 2 năm 1949 Hiệp hội Hoa kiều được thành lập với mục đích là bảo vệ quyền lợi của người Hoa và duy trì mối quan hệ tốt với các cộng đồng khác.

Sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc người Hoa bởi một số nhân tố sau:

Thứ nhất là chính sách của chính quyền Trung Quốc đối với người Hoa hải ngoại. Năm 1877, Bắc Kinh đã thiết lập Lãnh sự quán ở Xingapo và từ đó trở đi đã sử dụng lãnh sự quán này như là một trung tâm quy tụ lòng trung thành cũng như tiền bạc, kỹ thuật chuyên môn của người Hoa ở Nam Dương. Năm 1909, Bắc Kinh khẳng định nguyên tắc quốc tịch theo huyết thống (*Jus Sanguinis*), theo chính sách này, tất cả con cháu người Hoa theo dòng phụ hệ đều mang quốc tịch Trung Quốc bất chấp họ được sinh ra ở đâu, gia đình họ đã xuất ngoại bao lâu.

Thứ hai là chính sách thù địch của Nhật Bản đối với người Hoa. Sau khi xâm lược Malaixia, Nhật Bản đã đối xử với người Hoa ở đây hết sức hà khắc do đó phong trào chống Nhật đã nổi lên trong cộng đồng người Hoa. Vào thời điểm đó, trong cộng đồng người Hoa có hai nhóm rất có uy tín đó là Quốc Dân đảng Malay (được thành lập năm 1913) và đảng Cộng sản Malay (được thành lập năm 1930). Quốc dân đảng nhận được sự ủng hộ của giới lãnh đạo thương nhân các hiệp hội

người Hoa, đảng Cộng sản Malay nhận được sự ủng hộ của các trường học và các tổ chức lao động của người Hoa. Vào những năm cuối 1930s, hai nhóm này đã cộng tác với nhau để tiến hành các chiến dịch chống Nhật. Việc hai đảng này vượt qua ý thức hệ để cộng tác với nhau chống lại người Nhật thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc của người Hoa ở Malaixia là rất cao.

Cuối cùng là chính sách của người Anh ở Malaixia, vào năm 1946 người Anh đã thành lập Liên hiệp Malay với quy chế công dân bình đẳng cho tất cả các cộng đồng. Việc làm này đã dấy lên phong trào phản đối dữ dội của cộng đồng người bản địa và cuối cùng người Anh buộc phải thay đổi với việc ra đời của Liên bang Malaya vào năm 1948. Quy chế công dân của Liên bang Malaya có phần thiên vị người Malay do đó đã gây nên sự phản đối của các cộng đồng không phải Malay, đặc biệt là cộng đồng người Hoa đòi quyền bình đẳng.

2.2. Cộng đồng người Ấn

Có thể nói người Ấn Độ đã đến các vùng lãnh thổ của Malaixia ngày nay từ hàng ngàn năm trước. Họ đến để truyền bá tôn giáo và để buôn bán, một trong những nơi mà người Ấn Độ thường xuyên lui tới đó là vương quốc Malacca. Tuy nhiên người Ấn Độ nhập cư vào Malaixia chỉ diễn ra mạnh mẽ vào thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX. Những người Ấn Độ nhập cư đầu tiên vào Malaixia trong giai đoạn này đều mang tính bắt buộc. Một số binh lính Ấn Độ bị Công ty Đông Ấn đưa đến để bảo vệ các Khu định cư Eo biển. Một số khác là những người bị kết tội ở Ấn Độ và bị đày sang các Khu định cư Eo biển để thi hành án bằng những việc làm nặng nhọc như xây dựng đường xá, cầu cống và

các công trình công cộng khác. Có rất nhiều tù nhân người Ấn Độ đã ở Malaixia sau khi mãn hạn đi đày. Hình thức lưu đày này đã kết thúc vào năm 1867, tuy nhiên nó cũng đã kịp đưa 15.000 người Ấn Độ đến Malaixia⁽⁵⁾.

Từ năm 1911 đến năm 1941 số người Ấn Độ ở Malaixia đã tăng từ 267.000 người lên 744.000⁽⁶⁾, con số này đã làm cho cộng đồng người Ấn Độ đứng thứ ba ở Malaixia.

Đa số cư dân Ấn Độ đến Malaixia trong giai đoạn này đều được tuyển một một cách có hệ thống từ chính quyền Malaixia chẳng hạn như hệ thống khế ước (indenture system) hoặc hệ thống Kangany (Kangany là một đại lý do các điền chủ Malay dùng để tuyển thợ bằng cách đưa trước cho công nhân tiền tàu xe và trừ số tiền đó từ lương của công nhân làm việc ở đồn điền).

Những nguyên nhân dẫn đến tình trạng người Ấn Độ ồ ạt di cư đến Malaixia cũng tương đối giống với trường hợp người Hoa di cư. Đó là: tại Ấn Độ, tình trạng quá tải dân số dẫn đến thất nghiệp và đói kém buộc người dân phải đi tìm vùng đất mới; cơ hội kiếm tiền ở Malaixia dễ dàng hơn do chính sách khai thác thuộc địa của người Anh, đặc biệt là sự phát triển của ngành công nghiệp cao su (tại Malaixia, người Ấn Độ chủ yếu làm việc trong các đồn điền và trang trại cao su). Có một nguyên nhân khác khiến người Ấn Độ đến Malaixia là Ấn Độ chính là thuộc địa của người Anh, chính quyền Anh tại Ấn Độ cho phép cư dân Ấn Độ được di cư đến bất cứ nơi nào là thuộc địa của Anh.

Cộng đồng người Ấn Độ ít vấn đề hơn cộng đồng người Hoa, tuy nhiên tính cộng đồng và bản sắc tộc người của họ vẫn được

duy trì và bảo tồn. Một trong những biện pháp để người Ấn Độ giữ được tính cộng đồng là việc họ thành lập các Hiệp hội người Ấn Độ ở các thị trấn và đến năm 1937 họ đã thành lập Hiệp hội Độ Trung ương người Ấn tràn vào Malaixia.

2.3. Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa dân tộc Malay

Có thể nói chủ nghĩa dân tộc Malay xuất hiện muộn hơn so với một số nước ở Đông Nam Á. Một trong những biểu hiện đầu tiên của chủ nghĩa dân tộc Malay là thái độ không bằng lòng với sự cai trị của người Anh ở một số nhóm người Malay. Những nhóm người này lo lắng về sự gia tăng dân số của người Hoa và người Ấn Độ và những nỗ lực của hai cộng đồng này nhằm đạt được quyền công dân bình đẳng với người Malay. Nhóm cấp tiến nhất trong số này là nhóm Kesatuan Melayu Muda - KMM (Tuổi trẻ Melayu thống nhất). Nhóm này bắt nguồn từ các phong trào sinh viên tại trường đại học Azhar ở Ai Cập vào đầu những năm 1920. Những sinh viên này kêu gọi xoá bỏ những ảnh hưởng nước ngoài không thuộc Islam giáo ở Malay và xây dựng một liên minh đoàn kết với Indonesia. KMM được thành lập vào năm 1938 với vị chủ tịch đầu tiên là Ibrahim Yaacob cùng với gần 60 thành viên. Khi chiến tranh nổ ra vào năm 1941, Ibrahim cùng những cộng sự của ông đã bị người Anh bắt giữ nhưng đến năm 1942 lại được người Nhật trả tự do. Ibrahim đã trở thành nhân vật quan trọng trong phong trào được người Nhật hậu thuẫn là Pembela Tanah Ayer - PETA (Người bảo thủ cho đất nước), phong trào ủng hộ tư tưởng giành độc lập cho Malay thông qua một cuộc cách mạng và đoàn kết với nhân dân Indonesia. Tuy nhiên khi người Anh quay trở lại vào năm 1945, phong trào này

đã bị xoá sổ.

Một sự phản đối ngày càng tăng đối với sự thống trị của người Anh cũng đã xuất hiện trong những người Malay theo học nền giáo dục Anh, những người nắm giữ những vị trí quản lý hành chính. Sự suy thoái kinh tế trong những năm 1920 đã cho người Malay thấy được tình trạng kinh tế mà người Malay đang nắm giữ và sự thắng thế của người Hoa và người Ấn Độ. Vào những năm 1930, nhóm này chịu trách nhiệm xuất bản những bài báo và tạp chí định kỳ về quyền lợi của người Malay.

Cũng trong những năm này, một loạt câu lạc bộ và hiệp hội của người Malay xuất hiện trên toàn quốc để bàn về những cách thức bảo vệ và cải thiện vị trí của người Malay. Từ các năm 1939-40, những hiệp hội này đã tổ chức hai hội nghị quốc gia ở Kuala Lumpur.

Một biểu hiện nữa của chủ nghĩa dân tộc Malay là phong trào ủng hộ Islam giáo cấp tiến, mặc dù ảnh hưởng của phong trào này không kéo dài và chỉ giới hạn ở các khu định cư eo biển nhưng nó cũng đã làm cho người Malay nghĩ về vị thế của họ trong quan hệ với những tộc người không theo Islam giáo ở Malay.

Chủ nghĩa dân tộc Malay chỉ thực sự phát triển mạnh mẽ từ sau khi Chiến tranh Thế giới thứ II kết thúc với việc người Anh đưa ra bản Hiến pháp Liên hiệp Malaya vào ngày 22-1-1946. Người Malay đã phản đối dữ dội đối với bản hiến pháp này vì những lý do sau đây: Thứ nhất là khi xây dựng hiến pháp, người Anh không tham khảo ý kiến người Malay; thứ hai là bản hiến pháp này quy định mọi công dân sống trên lãnh thổ Malaya đều có quyền bình đẳng như nhau và điều này có thể biến Malaixia thành

nằm dưới sự thống trị của những người không có nguồn gốc Malay; và cuối cùng là sự phản đối của tầng lớp trên của xã hội, những người có thể nắm giữ những vị trí trong bộ máy hành chính của liên bang nhưng họ sẽ phải cạnh tranh với những công dân không phải người Malay trong quá trình tuyển dụng.

(6) Một sự kiện quan trọng đánh dấu sự trưởng thành của chủ nghĩa dân tộc Malay là sự ra đời của Tổ chức Thống nhất Dân tộc Malay - UMNO. Nhân dân Malay đã tổ chức những chiến dịch phản đối ngay sau khi họ nghe thông tin về những đề nghị thành lập Liên hiệp và bản hiến pháp liên hiệp. Ngày 15-12-1945, 10.000 người Malay đã tổ chức biểu tình trước cung vua ở Kelantan khi MacMichael đến thăm Vua (MacMichael là người được chính phủ Anh cử đi thương lượng với các quốc vương về vấn đề thành lập liên hiệp). Ngày 3-1-1946, Dato Onn Bin Jaafar đã thành lập Phong trào Malay bán đảo ở Johore. Vào tháng 3 ông đã triệu tập một đại hội của 41 tổ chức Malay để tổ chức phản đối những ý đồ của người Anh. Tại đại hội này, UMNO đã ra đời với vị Chủ tịch đầu tiên là Dato Onn.

Như vậy, sau gần nửa thế kỷ hình thành và phát triển, chủ nghĩa dân tộc Malay đã trưởng thành vững mạnh với sự ủng hộ mạnh mẽ của đông đảo các tầng lớp nhân dân từ tầng lớp dân thường, trí thức, viên chức bộ máy chính quyền đến giới quý tộc. Chủ nghĩa dân tộc Malay đã đấu tranh trước hết là bảo vệ quyền lợi của người bản địa, đặc biệt là người Malay cũng như đấu tranh giành độc lập dân tộc cho Malaixia.

2.4. Sự phát triển của giáo dục, tầng lớp trí thức mới và phương tiện

thông tin đại chúng

Trước khi người Anh đến, ở Malaixia đã có một nền giáo dục, tuy nhiên giáo dục chủ yếu dưới hình thức tôn giáo.

Nền giáo dục phương Tây đã được người Anh du nhập vào Malaixia điển hình là vào năm 1815, Hội Truyền giáo Luân Đôn đã xây dựng một trường học bằng tiếng Malay và một trường học bằng tiếng Hoa ở Malacca. Tuy nhiên, từ nửa sau thế kỷ XIX, người Anh đã thực hiện chính sách giáo dục có hệ thống, trước hết là ở các khu định cư eo biển. Mục đích của người Anh là tạo nên một nền giáo dục tiểu học bằng tiếng bản địa cho số đông dân chúng và một phần nào đó là nền giáo dục trung học bằng tiếng Anh cho tầng lớp quý tộc. Tuy nhiên chính sách này chỉ dành cho người Malay chứ không dành cho các cộng đồng nhập cư. Thực hiện chính sách này, chính quyền đã cung cấp tài chính cho các trường tiểu học, bậc tiểu học học trong vòng 4 năm với mục đích xoá mù chữ. Kết quả là tại các vương quốc liên bang trong giai đoạn từ 1900-20 đã có 400 trường với số học sinh tăng từ 6000 lên 20319 người⁽⁷⁾. Sau khi Liên bang Malaya được thành lập, chính quyền đã thực hiện chính sách giáo dục tiểu học bắt buộc đối với người Malay, tuy nhiên chính sách này đã không mang lại thành công do sự phản đối của cha mẹ học sinh vì bản chất của nền giáo dục thế tục và lo sợ con cái họ bị ảnh hưởng các giá trị Thiên chúa giáo.

Giáo dục bậc cao cũng đã có sự phát triển, năm 1878 trường Sư phạm được thành lập ở Xingapo; năm 1890 William Maxwell, đại diện Selangor đã mở trường Raja School đào tạo cho 12 vương công thuộc hoàng gia Selangor; trường Kuala Kangsar (đào tạo nhân viên cho chính

quyền) được thành lập năm 1905 và năm 1909 trở thành trường Cao đẳng Malay; trường Cao đẳng Sultan Idris được thành lập ở Tanjong Malim, ngay từ đầu trường này đã có chỗ ăn ở và làm việc cho 200 học sinh và giáo viên⁽⁸⁾... Trong giai đoạn này, ngoài hệ thống giáo dục do chính quyền tạo ra, trong giới trẻ người Malay đã xuất hiện xu hướng đi học ở các nước Trung Đông, những người này đều đến học ở các trường Islam giáo.

Kết quả tất yếu của sự phát triển giáo dục là sự ra đời của đội ngũ trí thức mới. Đội ngũ trí thức này có nguồn gốc xuất thân khá đa dạng từ con em của tầng lớp quý tộc cho đến con em của các gia đình nông dân, ngư dân và về cơ bản được đào tạo theo những mục đích khác nhau. Những người theo học trường Cao đẳng Malay đa số thuộc tầng lớp cai trị và giới quý tộc, được đào tạo theo kiểu Anh học để làm việc trong bộ máy chính quyền và các ngành nghề chuyên môn cao. Những người theo học trường Sultan Idris là con em của tầng lớp dân nghèo, được đào tạo theo kiểu Malay học để lại quay về làm việc ở quê hương họ.

Cùng với sự phát triển của giáo dục và đội ngũ trí thức, các phương tiện thông tin đại chúng ở Malaixia trong thời kỳ này cũng có sự phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là báo chí, nhất là ở các khu định cư eo biển. Năm 1876 tờ Jawi Peranakan ra đời. Tờ báo này đưa cả tin trong và ngoài nước và đã có những nỗ lực để khuyến khích việc nghiên cứu học tập bằng tiếng Malay. Trong vòng 30 năm sau đó đã có khoảng 16 tờ báo và tạp chí được xuất bản ở Xingapo và bán đảo Malay⁽⁹⁾. Năm 1906 tờ Al-Imam ra đời, mối quan tâm chính của tờ báo này là các vấn đề có liên quan đến Islam giáo.

Đáng chú ý là sau khi Al-Imam ra đời, báo chí ở Malaixia đã có sự phát triển nhanh chóng như tờ Bintang Timur ra đời ở Penang năm 1900, Neraca ra đời ở Xingapo năm 1911, Lembaga Melayu ra đời ở Xingapo năm 1914, Lidah Teruna ra đời ở Johore năm 1920, Perjumpaan Melayu ra đời năm 1925, Majalah Guru ra đời năm 1924... Trong khoảng thời gian từ 1920 đến 1930 có đến 34 tờ báo và tạp chí định kỳ bằng tiếng bản địa ra đời ở Malaya, trong số này có 3 tờ ở Xingapo, 11 tờ ở Penang, số còn lại ở các vương quốc bán đảo khác⁽¹⁰⁾. Mỗi tờ báo đều có mục tiêu và mối quan tâm riêng, chẳng hạn như tờ Neraca tập trung vào các vấn đề tôn giáo trong khi tờ Utusan Melayu và Lembaga Melayu tập trung vào những vấn đề hiện hành giống như những tờ báo ngày hiện nay. Báo chí lúc đó do nhiều tổ chức quản lý như các ban quản lý thương mại, các cơ quan văn hoá và phúc lợi, các tổ chức giáo dục và tổ chức của giáo chức. Như vậy, có thể nói, báo chí đã phát triển thành một nghề nghiệp, một lực lượng xã hội có vị trí và tiếng nói trong xã hội Malaixia lúc ấy, theo như William R. Roff thì "...sự phát triển này là kết quả của sự thương mại hoá và chuyên nghiệp hoá của lĩnh vực báo chí..."⁽¹¹⁾.

Nói tóm lại, Bối cảnh xã hội Malaixia trong thời kỳ thuộc địa đã chứa đựng nhiều yếu tố, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc hình thành và phát triển của xã hội dân sự ở Malaixia.

Sự xâm nhập và thống trị của thực dân phương Tây, đặc biệt là của người Anh, đã tạo ra nhiều nhân tố tác động đến việc hình thành và phát triển xã hội dân sự của Malaixia. Đó là các chính sách cai trị và khai thác thuộc địa của người Anh đã làm cho hai cộng đồng người Hoa và

người Ấn Độ phát triển mạnh mẽ. Từ hai cộng đồng này lại làm nảy sinh những nhân tố mới như vấn đề Hội kín của người Hoa, vấn đề quyền lợi của mỗi dân tộc và chủ nghĩa dân tộc cùng với những tổ chức của nó... Ngoài ra, các chính sách giáo dục và ưu tiên người bản địa của người Anh cũng đã làm nảy sinh những nhân tố tác động đến việc hình thành và phát triển của xã hội dân sự. Những nhân tố đó là chủ nghĩa dân tộc người Malay; sự phản ứng của các cộng đồng dân nhập cư như người Hoa, người Ấn đối với những chính sách của chính quyền thực dân. Chính sách giáo dục của người Anh cũng đã góp phần tạo nên một nền giáo dục mới ở Malaixia với một đội ngũ trí thức mới và sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là báo chí. Chúng là một trong những cơ sở nền tảng cho việc hình thành và phát triển của xã hội dân sự ở Malaixia./.

CHÚ THÍCH

1. Nigel Kelley, *History of Malaysia & Southeast Asia*, Heinemann Southeast Asia, Elsevier PIC, 1993, Tr 71
2. Nigel Kelley, sdd, Tr 71
3. Nigel Kelley, Sdd, Tr 61
4. Theo D.E.G. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Chính trị Quốc gia, 1997, Tr 1135
5. Nigel Kelley, Sdd, Tr 74
6. D.E.G. Hall, Sdd, Tr 1135
7. William R. Roff, *The Origins of Malay Nationalism*, Kuala Lumpur, 1979, Tr 127
8. William R. Roff, Sdd, Tr 142
9. Johan Jaaffar, *History of modern Malay literature*, T1, Kuala Lumpur, 1992, Tr 10

10. William R. Roff, Sdd, Tr 162

11. Johan Jaaffar, Sdd, Tr 12

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt:

1. D.G. E Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
2. Phan Ngọc Liên, *Lược sử Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998
3. Liên Bang Malaixia lịch sử văn hoá và những vấn đề hiện đại, Trung tâm KHXH&NV Quốc gia, NXB KHXH, Hà Nội, 1998.
4. *Lịch sử Đông Nam Á*, TII, bản dịch, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.
5. Chế độ thuộc địa của Anh ở Malaixia và của Pháp ở Việt Nam, Khoá luận tốt nghiệp Đại học, Nguyễn Thành Văn, Khoa Đông Phương học, ĐH KHXH&NV Hà Nội, 2001

Tài liệu tiếng Anh:

1. C.Mary Turnbull, *A Short history of Malaysia, Singapore and Brunei*, Graham Brash Singapore, 1980.
2. Johan Jaaffar, Mohd. Thani Ahmad, Safian Hussain, *History of Modern Malay literature*, Vol I, Ministry of Education Malaysia, Kuala Lumpur 1992.
3. Meredith L. Weiss and Saliha Hassan, *Social Movements in Malaysia*, Routledge Curzon, Luân Đôn, 2003.
4. Nigel Kelly, *History of Malaysia & Southeast Asia*, Heinemann Southeast Asia, Elsevier PIC, 1993
5. Richard Winstedt, *The Malays - A Cultural History*, Graham Brash, Singapore, 1981.
6. William R. Roff, *The Origins of Malay nationalism*, Yale University Press, 1967.
7. Một số tư liệu sưu tầm trên các trang web